

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-ST

Ngày: 12 - 7 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Đình Thi**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Tâm**

2. Bà **Trần Thị Ngọc Trân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Nguyễn Thanh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông **Trịnh Văn Dương** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **YOU ZHI G (A D)**, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 24, tổ D, thôn TB, thị trấn H, thành phố H, khu tự trị dân tộc C QT, Trung Quốc. Tạm trú: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp M, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **NLQ**

4. Người phiên dịch: Anh **Thái Thiện T**- Cử nhân ngữ văn Trung Quốc.

(*Anh A D, anh M, anh T có mặt, NLQ có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh YOU ZHI G (A D) trình bày:

Anh sang Việt Nam sinh sống và làm ăn đã được khoảng hai năm, công việc của anh là mua bán cá từ Việt Nam chuyển qua Trung Quốc.

Vào khoảng tháng 8/2015 anh có thuê anh Nguyễn Văn M mua bán cá cho anh. Anh mua chủ yếu là cá chim, cá trích, cá tầm cừ...Anh M đi các tỉnh tìm mua cá cho anh, sau đó chụp hình cá và nói giá gởi qua cho anh xem (gởi qua Zalo nick “M Nguyễn”), nếu anh đồng ý giá và cá thì anh M ghi hóa đơn chụp hình gửi qua Zalo cho anh, sau đó anh chuyển tiền vào tài khoản của anh M, anh và anh M giao dịch với nhau thông qua Ngân hàng AGRIBANK, số tài khoản của anh M 7709205056554, anh M rút tiền và tự trả cho chỗ anh M mua cá.

Sau khi mua xong, thì thuê người đóng thùng chuyển hàng sang Trung Quốc, tất cả chi phí anh đều chịu, còn anh M thì anh trả công 3.000đ (*Ba nghìn đồng*)/1kg cá, cứ thế mua được bao nhiêu thì nhân lên.

Từ tháng 8/2015 đến ngày 14/01/2016, anh chuyển tiền dư cho anh M 325.480.000 đồng đã trừ tiền mua cá rồi. Anh M nói với anh từ ngày 15-19/01/2016 sẽ mua cá hết số tiền 325.480.000 đồng, nhưng vẫn còn thiếu tiền, nên yêu cầu anh chuyển thêm tiền cho anh M, nên vào ngày 16/01/2016 anh chuyển cho anh M 50.000.000 đồng, ngày 18/01/2016 anh chuyển cho anh M 75.000.000 đồng, ngày 20/01/2016 anh tiếp tục chuyển cho anh M 15.000.000 đồng. Khi anh gửi tiền xong, nhưng không thấy anh M gởi hàng ra cửa khẩu Móng Cái. Anh điện thoại cho anh M, thì anh M nói xe đang chở hàng từ từ tới. Đến ngày 21/01/2016 anh tiếp tục điện thoại hỏi anh M không bắt máy, anh M có nhắn tin cho anh với nội dung nói đang khó khăn, không có khả năng trả nợ hết cho anh. Sau đó anh có điện thoại cho anh M, nhưng không liên lạc được. Tổng số tiền anh M còn nợ là 465.480.000 đồng. Anh yêu cầu vợ chồng anh M phải trả trước một lần là 325.480.000 đồng, số tiền còn lại 140.000.000 đồng anh cho vợ chồng anh M trả cho anh trong vòng 06 tháng và anh yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Nếu anh M không đồng ý theo ý kiến của anh, thì anh yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày:

Anh với anh YOU ZHIG (A D) bắt đầu làm ăn với nhau từ tháng 8/2015 đến cuối tháng 01/2016 thì phát sinh tranh chấp. Cụ thể anh A D yêu cầu anh

phải giao trả tiền nợ cũ và nợ mới toàn bộ để trở về Trung Quốc, năm sau thì mới quay lại Việt Nam làm ăn tiếp. Anh không có khả năng trả tiền anh A D một lần, nên anh A D bắt đầu thừa anh ra Xã, Đoàn Công an Cảng cá TC - Công an huyện C và Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kiên Giang. Tổng số tiền anh thiếu anh A D là 465.480.000 đồng.

Đối với ý kiến của anh A D yêu cầu vợ chồng anh phải trả trước một lần là 325.480.000 đồng, số tiền còn lại 140.000.000 đồng vợ chồng anh trả cho anh A D trong vòng 06 tháng, vợ chồng anh không có khả năng.

Lúc trước anh có thỏa thuận với anh A D tại Đoàn Công an Cảng cá TC - Công an huyện C mỗi tháng trả 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*), nhưng anh A D không đồng ý. Từ khi phát sinh tranh chấp đến nay, nhiều người biết việc tranh chấp, nên anh không còn buôn bán được nữa, mà đi làm thuê cho người khác, nguồn thu nhập không ổn định như lúc trước. Nên hiện nay anh chỉ có khả năng trả cho anh A D mỗi tháng khoảng từ 3.000.000 - 4.000.000 đồng. Khi nào có thể làm ăn lại được, thì anh sẽ trả thêm cho anh A D. Do hoàn cảnh hiện nay của anh khó khăn, nên anh xin anh A D phần lãi suất, để anh còn nuôi vợ và hai người con nhỏ.

NLQ trình bày: NLQ không có bà con, họ hàng gì với anh A D, NLQ biết anh A D là do chồng NLQ tên Nguyễn Văn M làm ăn, buôn bán cá với anh A D, nhưng việc họ làm ăn buôn bán với nhau cụ thể như thế nào thì NLQ không biết.

Từ trước đến nay NLQ không có nhận tiền của anh A D, việc anh M mua bán và nhận tiền của anh A D là do anh M tự trao đổi với nhau, NLQ không liên quan gì đến chuyện tiền bạc, đến khi anh A D làm đơn thừa anh M, thì NLQ mới biết.

Việc anh A D khởi kiện anh M và yêu cầu NLQ cùng liên đới trả số tiền 465.480.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, NLQ không đồng ý. Vì việc làm ăn buôn bán và nhận tiền là do anh M tự làm, không liên quan gì đến NLQ. Do đó, anh M phải có trách nhiệm trả cho anh A D. NLQ xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân các cấp.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh YOU ZHIG (A D) yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn M phải cùng liên đới trả cho anh số tiền 465.480.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn M thừa nhận có thiếu anh A D với số tiền là 465.480.000 đồng, nhưng hiện nay anh chỉ có khả năng trả cho anh A D mỗi tháng khoảng từ

3.000.000 - 4.000.000 đồng. Khi nào có thể làm ăn lại được, thì anh sẽ trả thêm cho anh A D. Do hoàn cảnh hiện nay của anh khó khăn, nên anh xin anh A D phần lãi suất, để anh còn nuôi vợ và hai người con nhỏ.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và những người tham gia tố tụng khác đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ đủ cơ sở để đưa vụ án ra xem xét giải quyết.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh D, buộc vợ chồng anh M, NLQ trả cho anh D số tiền 465.480.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập NLQ hợp lệ, nhưng NLQ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt NLQ.

2. Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi ra quyết định đưa vụ án xét xử đều xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp đòi tài sản”. Tuy nhiên, trong quá trình thẩm vấn công khai và tranh luận tại phiên tòa, xác định giữa anh YOU ZHIG (A D) và anh Nguyễn Văn M có giao dịch tiền bạc và tài sản với nhau. Cụ thể, anh A D chuyển tiền cho anh Minh trước, sau đó anh M mua cá và đóng thùng gửi qua cửa khẩu Móng Cái sang Trung Quốc theo yêu cầu của anh A D, để được anh A D trả công 3.000 đồng/1kg cá. Nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản”.

3. Về nội dung: Anh A D yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn M và NLQ phải cùng liên đới trả cho anh số tiền 465.480.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của anh A D, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo trình bày của anh A D tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời ngày 20/4/2017, Biên bản hòa giải

ngày 25/4/2017 (BL 43, 50, 51, 52, 62), thì từ tháng 8/2015 đến ngày 14/01/2016, anh A D đã chuyển tiền dư cho anh M, sau khi trừ tiền mua cá là 325.480.000 đồng. Anh M nói từ ngày 15/01/2016 đến ngày 19/01/2016 sẽ mua cá hết số tiền 325.480.000 đồng, nhưng vẫn còn thiếu tiền, nên yêu cầu anh A D chuyển thêm tiền. Nên anh A D chuyển tiền thêm cho anh M vào các ngày cụ thể như sau: Ngày 16/01/2016 chuyển 50.000.000 đồng; ngày 18/01/2016 chuyển 75.000.000 đồng; ngày 20/01/2016 chuyển 15.000.000 đồng (từ BL 11 đến 22). Khi anh A D chuyển tiền xong, không thấy anh M gửi cá qua cửa khẩu Móng Cái, sang Trung Quốc cho anh A D, nên hai bên phát sinh tranh chấp. Anh A D làm đơn thưa anh M ra xã Bình An, Đồn Cảnh Sát Cạn. Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ngày 25/01/2016 tại Đồn Công an Cảnh cá TC - Công an huyện C, anh M thừa nhận còn thiếu anh A D số tiền 465.484.000 đồng và chỉ có khả năng trả cho anh A D mỗi tháng 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ (BL 03).

Trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/4/2017, Biên biên hòa giải ngày 25/4/2017 cũng như tại phiên tòa, anh M đều thừa nhận còn thiếu anh A D 465.480.000 đồng, nhưng hiện nay chỉ có khả năng trả cho anh A D mỗi tháng từ 3.000.000 - 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin phần lãi (BL 45, 46, 61, 62).

Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định anh M còn thiếu anh A D số tiền gốc chưa giao cá là 465.480.000 đồng.

Đối với yêu cầu của anh M xin trả dần 3.000.000 - 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin phần lãi, nhưng không được sự đồng ý của anh A D, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Anh M vi phạm nghĩa vụ giao cá cho anh A D, nên anh A D đã nhiều lần yêu cầu anh M trả lại số tiền đã nhận, nhưng anh M không thực hiện. Theo quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền, thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Do đó, ngoài số tiền gốc anh M phải trả cho anh A D là 465.480.000 đồng, anh M còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Tuy nhiên, giữa anh M và anh A D không thỏa thuận với nhau về lãi suất, căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự xác định lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng).

Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 14/3/2017 đến 12/7/2017 là 02 tháng 28 ngày: 11.332.886 đồng (Làm tròn 11.333.000 đồng).

$465.480.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 7.726.968 \text{ đồng}.$

$465.480.000 \text{ đồng} \times 28 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 3.605.918 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền gốc và lãi là 476.813.000 đồng.

NLQ cho rằng việc anh A D khởi kiện anh M và yêu cầu NLQ cùng liên đới trả số tiền 465.480.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, NLQ không đồng ý. Vì việc làm ăn buôn bán và nhận tiền là do anh M tự làm, không liên quan gì đến NLQ. Do đó, anh M phải có trách nhiệm trả tiền cho anh A D.

Xét thấy, NLQ thừa nhận có mối quan hệ với anh M là vợ chồng, đồng thời biết việc buôn bán giữa anh M với anh A D. Tại phiên tòa, anh M cho biết anh và NLQ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc anh mua bán, làm ăn với anh A D, NLQ có biết và có lần NLQ nhận tiền mua cá từ anh A D. Bên cạnh đó, anh M làm ăn với anh A D với mục đích là kiếm tiền, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 và khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, NLQ phải có trách nhiệm liên đới cùng với anh M trả tiền cho anh A D.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh YOU ZHIG (A D).

3. Về án phí:

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M cung cấp cho Hội đồng xét xử Đơn xin miễn giảm tiền án phí của anh và NLQ đề ngày 11/7/2017 có xác nhận của Ban lãnh đạo ấp M, Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang hiện nay vợ chồng anh chị kinh tế gặp nhiều khó khăn, để xin Tòa án miễn, giảm tiền án phí. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú thì được Tòa án giảm 50% mức tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, lệ phí Tòa án mà người đó phải nộp”*.

Vợ chồng anh M không rơi vào trường hợp sự kiện bất khả kháng theo quy định như thiên tai, chiến tranh, quyết định chính trị, thay đổi pháp luật...Cho nên, vợ chồng anh M, chị NLQ vẫn phải chịu án phí theo quy định.

Anh Nguyễn Văn M và NLQ phải chịu án phí đối với số tiền 476.813.000 đồng buộc phải trả cho anh YOU ZHIG (A D) là 23.072.520 đồng = [20.000.000 đồng + (4% x 76.813.000 đồng)].

Anh YOU ZHIG (A D) khởi kiện được Tòa án chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho anh A D.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430, 440, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của anh YOU ZHIG (A D).

Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn M và NLQ phải có nghĩa vụ trả cho anh YOU ZHIG (A D) số tiền 476.813.000đ (*Bốn trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm mười ba nghìn đồng*). Trong đó, tiền gốc: 465.480.000 đồng, tiền lãi: 11.333.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định được xác định là 50% của mức lãi suất 20%/năm (tại khoản 2 Điều 468) Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Vợ chồng anh Nguyễn Văn M và chị NLQ phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 23.072.520đ (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm hai mươi đồng*).

Anh YOU ZHIG (A D) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.310.000đ (*Mười một triệu ba trăm mười nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004266 ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2017), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng mộc)

PHẠM ĐÌNH THI

